

Bản án số: 26/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 26-8- 2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, nợ
chung.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Thy Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Công Ba.

Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Mỹ Thương – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Thu- Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2022 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, nợ chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2022/QĐST-HPT ngày 29 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Ngô Văn C, sinh năm 1977.

Nơi C trú: K 88/2 đường P, Tổ 103 phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng.
Có mặt.

- Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Kim L, sinh năm 1977.

Nơi ĐKKHKT: K 88/2 đường P, Tổ 103 phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. Chỗ ở hiện nay: Số 18 đường V, phường T, quận S, Tp Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ngân hàng thương mại cổ phần S. Địa chỉ trụ sở: Số 266- 268 Đường N, phường V, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, Chức danh: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T, Chức vụ: Phó phòng giao dịch S theo giấy ủy quyền số 3161/2021/QĐ-PL ngày 27/12/2021 của Tổng giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần S và Giấy ủy quyền số 27.5A/2022/GUQ-CNĐN ngày 27/5/2022 của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng thương mại cổ phần S. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, tại bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Ông Ngô Văn C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và Bà Huỳnh Thị Kim L xây dựng gia đình với nhau năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng vào năm 2006, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không cùng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau, mặt khác công việc làm của ông không ổn định nên không có thu nhập để trang trải trong gia đình từ đó vợ chồng có lời qua tiếng lại, đối xử thiếu tôn trọng nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, không ai có trách nhiệm gì với nhau. Nay, ông xác định về tình cảm không còn thương yêu bà L nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà L.

- Về nuôi con chung: Ông Ngô Văn C xác định con chung có 02 người là Ngô Huỳnh Mỹ A, sinh ngày 26/11/2004 và Ngô Huỳnh Phương N, sinh ngày 25/11/2015. Nếu ly hôn ông đồng ý giao cả hai con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông cấp dưỡng nuôi mỗi con mỗi tháng 3.000.000đồng. Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 9/2022 cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Ông Ngô Văn C xác định không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Ông Ngô Văn C xác định vợ chồng có nợ của Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 200.000.000đồng, thời hạn vay là 05 năm. Đã trả nợ gốc và lãi được 41 kỳ, số tiền ông đã trả cho Ngân hàng là: 187.641.498 đồng, trong đó: Gốc: 136.653.000 đồng; Lãi: 50.988.498 đồng. Tính đến ngày 26/8/2022 dư nợ còn nợ ngân hàng là 65.180.300 đồng, Trong đó: nợ gốc 63.347.000 đồng; Lãi trong hạn: 1.833.300 đồng. Nay vợ chồng ly hôn ông tự nguyện trả toàn bộ số nợ trên cho Ngân hàng.

* Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn Bà Huỳnh Thị Kim L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và Ông Ngô Văn C xây dựng gia đình với nhau năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng vào năm 2006, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do mẹ chồng bà bị tai biến, trong gia đình không có ai chăm lo cho mẹ, chỉ một mình bà lo toan gánh vác nên từ đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, mặt khác chồng bà không có trách nhiệm với gia đình, con cái, không chịu đi làm kiếm tiền nuôi con mà để một mình bà lo liệu từ đó mâu thuẫn vợ chồng tôi xảy ra gay gắt hơn. Do mâu thuẫn trong gia đình nhà chồng, đuổi bà ra khỏi nhà nên bà phải thuê nhà sống riêng từ tháng 3/2020 đến nay, không ai có trách nhiệm gì với nhau. Nay bà xác định về tình cảm không còn yêu thương ông C nên bà đồng ý thuận tình ly hôn với ông C.

- Về con chung: Bà Huỳnh Thị Kim L xác định có 02 người con là Ngô Huỳnh Mỹ A, sinh ngày 26/11/2004 và Ngô Huỳnh Phương N, sinh ngày 25/11/2015. Nếu ly hôn bà có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi mỗi con mỗi tháng 3.000.000đồng.

- Về tài sản chung: Bà Huỳnh Thị Kim L xác định trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng bà tạo lập được tài sản sau: 01 ngôi nhà có diện tích khoảng 95 m² nằm trên đất của cha mẹ tọa lạc tại K 88/2 đường P, Tổ 103 phường T, quận S, Thành phố Đà Nẵng, đất của cha mẹ cho vợ chồng giấy tờ hiện nay ông C đang giữ. Nếu ly hôn bà yêu cầu chia đôi $\frac{1}{2}$ đất và nhà nêu trên theo quy định của pháp luật

- Về nợ chung: Bà Huỳnh Thị Kim L xác định vợ chồng có nợ của Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 200.000.000đồng, thời hạn vay là 05 năm. Đến nay

đã trả được một ít cụ thể bao nhiêu bà không nhớ. Nay vợ chồng ly hôn ông C tự nguyện trả nợ cho Ngân hàng thì bà đồng ý.

* Tại bản tự khai cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần S trình bày: Ngày 19/3/2019, Ông Ngô Văn C có vay vốn tại Ngân hàng theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số: LD 1907800506 với số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 11%/năm, mục đích sử dụng vốn tiêu dùng, các kỳ trả vốn lãi vào ngày 10 hàng tháng, thời điểm trả hết nợ ngày 19/3/2024. Khách hàng đã trả nợ gốc và lãi được 41 kỳ, số tiền ông C đã trả cho Ngân hàng là: 187.641.498 đồng, trong đó: Gốc: 136.653.000 đồng; Lãi: 50.988.498 đồng. Tính đến ngày 26/8/2022 dư nợ còn nợ ngân hàng là 65.180.300 đồng, Trong đó: nợ gốc 63.347.000 đồng; Lãi trong hạn: 1.833.300 đồng. Nay vợ chồng ông C, bà L ly hôn thì ngân hàng có ý kiến yêu cầu ông C có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng và tiếp tục phải trả tiền lãi cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số: LD 1907800506 ngày 19/3/2019.

* Tại phiên tòa hôm nay, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, Điều 212 BLTTDS; Điều 463, 466 BLDS chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Ngô Văn C đối với bà Huỳnh Thị Kim L.

- Về hôn nhân: Cho ông Ngô Văn C được ly hôn với bà Huỳnh Thị Kim L.

- Về con chung: Giao hai cháu là Ngô Huỳnh Mỹ A và Ngô Huỳnh Phương N cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Ông C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đồng/01 cháu, 02 cháu là 6.000.000đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Do bà L không cung cấp các tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án nên không có cơ sở để giải quyết, sau này có tranh chấp bà L có thể khởi kiện một vụ án khác.

- Về nợ chung: ông C có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số nợ còn lại số tiền tạm tính đến ngày 26/8/2022: Nợ gốc 63.347.000 đồng, Lãi trong hạn 1.833.300 đồng; Tổng cộng 65.180.300 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, nợ chung. Bị đơn bà Huỳnh Thị Kim L có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại K 88/2 đường P, Tổ 103 phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. Chỗ ở hiện nay: Số 18 đường V, phường T, quận S, Tp Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án nhân dân quận Sơn Trà đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn bà Huỳnh Thị Kim L nhưng tại phiên tòa bà Huỳnh Thị Kim L vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Huỳnh Thị Kim L.

Về nội dung vụ án:

[3] Ông Ngô Văn C và Bà Huỳnh Thị Kim L xây dựng gia đình với nhau vào năm 2004, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng vào năm 2006. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Vợ chồng chung sống được một thời gian đến năm năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn, Nguyên nhân chủ yếu là do quan điểm sống tính tình vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên cãi vã, vợ chồng không chia sẻ công việc gia đình, quan tâm lẫn nhau, mặt khác thu nhập của gia đình không ổn định dẫn đến có khó khăn về kinh tế nên từ đó mâu thuẫn vợ chồng xảy ra gay gắt hơn. Do mâu thuẫn xảy ra nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 đến nay, không ai có trách nhiệm gì với nhau. Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa ông C xác định tình cảm không còn yêu thương bà L nữa nên nguyện vọng ông xin được ly hôn. Còn bị đơn bà L vắng mặt tại phiên tòa nhưng thể hiện trong hồ sơ vụ án cũng xác định tình cảm vợ chồng không thương yêu ông C nên bà đồng ý thuận tình ly hôn với ông C.

[5] Xét yêu cầu của các bên đương sự thì thấy: Hạnh phúc vợ chồng chỉ thật sự đạt được khi cả vợ lẫn chồng cùng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Thế nhưng đối với vợ chồng ông bà thì không làm được điều đó. Từ khi mâu thuẫn phát sinh ông, bà chưa có biện pháp gì để tháo gỡ những vướng mắc, bất đồng xảy ra trong cuộc sống mà mỗi người thích làm gì thì làm dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, không có tiếng nói chung và hai ông bà đều yêu cầu xin được ly hôn. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy HĐXX căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của ông C là phù hợp.

[6] Về nuôi con chung: Con chung giữa Ông Ngô Văn C và Bà Huỳnh Thị Kim L có 02 người là Ngô Huỳnh Mỹ A, sinh ngày 26/11/2004 và Ngô Huỳnh Phương N, sinh ngày 25/11/2015. Tại phiên tòa ông C đồng ý giao cả hai con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông cấp dưỡng nuôi mỗi con mỗi tháng 3.000.000đồng. Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con kể từ tháng 9/2022 cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi. Bà L vắng mặt nhưng thể hiện trong hồ sơ vụ án thì bà có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi mỗi con mỗi tháng 3.000.000đồng.

Xét sự thoả thuận về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình, phù hợp với điều kiện thực tế của các bên đương sự nên HĐXX chấp nhận.

[7] Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống ông Ngô Văn C xác định tài sản chung không có. Bà Huỳnh Thị Kim L vắng mặt nhưng thể hiện trong hồ sơ vụ án xác định có tạo lập tài sản chung gồm 01 ngôi nhà có diện tích khoảng 95 m² nằm trên đất của cha mẹ tọa lạc tại K 88/2 đường P, tổ 103, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng, đất của cha mẹ cho vợ chồng giấy tờ hiện nay ông C đang giữ. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra Thông báo yêu cầu bà L cung cấp tài liệu chứng cứ gồm: Đơn yêu cầu chia tài sản chung, trong đó nêu rõ nhà, đất có giá trị là bao nhiêu để Tòa án có cơ sở cho nộp tiền tạm ứng án phí về chia tài sản chung của vợ chồng. Toàn bộ tài liệu giấy tờ liên quan đến việc cho đất của vợ chồng bà và tài liệu, chứng cứ để chứng minh vợ chồng bà có xây nhà trên đất của cha mẹ. Trong thời hạn được thông báo bà L đã không cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án mà không có lý do chính đáng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà L vắng mặt cũng không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu chia tài sản chung của bà. Do đó HĐXX thấy cần phải tách phần tài sản chung không giải quyết. Nếu sau này một trong hai bên có đơn khởi kiện kèm theo chứng cứ chứng minh thì Tòa án có thẩm quyền sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[8] Về nợ chung: Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án xác định được ông Ngô Văn C và bà Huỳnh Thị Kim L còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền là 65.180.300 đồng (trong đó tiền gốc: 63.347.000 đồng, tiền lãi trong hạn tạm tính đến ngày 26/8/2022 là: 1.833.300 đồng). Số nợ này ông C đồng ý ông là người có trách nhiệm trả khoản nợ trên cho Ngân hàng và đại diện Ngân hàng cũng đồng ý với phương án trả nợ như trên nên cần buộc ông C phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền 65.180.300 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[9] Về án phí:

[9.1] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng Ông Ngô Văn C phải chịu theo quy định của pháp luật.

[9.2] Án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con định kỳ 300.000 đồng Ông Ngô Văn C phải chịu.

[10] Đối với ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng thấy phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016 về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm;

- Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, nợ chung” giữa ông Ngô Văn C đối với bà Huỳnh Thị Kim L.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Ngô Văn C được ly hôn với bà Huỳnh Thị Kim L.

2. Về quan hệ con chung:

- Giao cả hai con chung là Ngô Huỳnh Mỹ A, sinh ngày 26/11/2004 và Ngô Huỳnh Phương N, sinh ngày 25/11/2015 cho bà Huỳnh Thị Kim L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi.

- Buộc ông Ngô Văn C cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 6.000.000đồng (Sáu triệu đồng). Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con tính từ tháng 9/2022 cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Cả hai bên đương sự đều được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản chung: Tách phần tài sản chung không giải quyết. Nếu sau này một trong hai bên có đơn khởi kiện kèm theo chứng cứ chứng minh thì Tòa án có thẩm quyền sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

4. Về nợ chung:

- Buộc ông Ngô Văn C có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền là 65.180.300 đồng (trong đó tiền gốc: 63.347.000 đồng, tiền lãi trong hạn tạm tính đến ngày 26/8/2022 là: 1.833.300 đồng).

Kể từ ngày 27/8/2022 ông Ngô Văn C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số: LD 1907800506 ngày 19/3/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng

vay phải được tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

5. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng ông Ngô Văn C phải chịu. Án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con định kỳ 300.000 đồng ông Ngô Văn C phải chịu.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết tại nơi thường trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị Cưỡng chế theo quy định tại các điều 6,7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- UBND phường K, quận N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Thị Thy Tuyết

